

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 4 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quý.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Sương.  
Bà Nguyễn Thị Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 420/2020/TLST-HN&GD, ngày 14 tháng 10 năm 2020; về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HN&GD, ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1984;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982;

Cùng nơi cư trú: Số nhà A, đường B, tổ 2, thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, còn bị đơn vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số: 86, quyển số: 01, đăng ký ngày 26/7/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính, không thể dung hòa mọi vấn đề trong cuộc sống, không có tiếng nói chung về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Bản thân anh chị không còn yêu thương, quý trọng gì nhau. Đến nay mâu thuẫn giữa anh chị thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên chị đề nghị giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị H1, sinh năm 2002; Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 01/9/2016. Nay, con H1 đã trưởng thành nếu con ưng ở với ai thì người đó nuôi, đối với con H2, Đ chị yêu cầu được nuôi 02 con và anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/02 con/tháng, tính mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từng tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T:*

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn anh T không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn T, thể hiện tại biên bản xác minh ngày 12/01/2021 của bà Thổ Phương Thái là Thôn trưởng thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận đã cung cấp một số thông tin như sau:

Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn T cùng cư trú: Thôn 7, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận và có hộ khẩu thường trú tại địa phương thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chung sống giữa chị L và anh T thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bản thân anh T thỉnh thoảng có uống rượu chửi bới, đánh đập chị L. Bản thân chị L, anh T hiện đã sống riêng; Anh T không có nghề nghiệp nên không có thu nhập từ lao động, chị L hiện đang đi làm công ty tại Đồng Nai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, nhưng bị đơn anh T không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự, đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho chị Võ Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn T có 03 (ba) con là Nguyễn Thị H1, sinh năm 2002; Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 01/9/2016. Xét thấy, con H1 đã đủ tuổi trưởng thành, riêng đối với 02 con là H2 và Đ còn nhỏ hiện đang ở với chị L, theo nguyện vọng của H2 nếu ba mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ, nên việc chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con là phù hợp. Từ đó cần xem xét giao 02 con Nguyễn Ngọc H2 và Nguyễn Ngọc Đ cho chị Võ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo chị L yêu cầu anh Tài phải cấp dưỡng nuôi mỗi con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng, tính cho 02 con mỗi tháng với số tiền 3.000.000 đồng là phù hợp với mức chi phí trung bình hiện nay tại địa phương, nghĩ nên buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 3.000.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 5/2021 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi là phù hợp.

### **NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản

3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt tại phiên tòa đối với bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị L và anh Nguyễn Văn T có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số: 86, quyển số: 01, đăng ký ngày 26/7/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp tính tình, không thể dung hòa mọi vấn đề trong cuộc sống, không có tiếng nói chung về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, nhưng anh T không tham gia kết quả hòa giải không thành. Tại phiên tòa chị L xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh T nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị L với anh T thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 23/4/2002; Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 01/9/2016. Nay, con Nguyễn Thị H1 đã trưởng thành nên không xem xét; đối với con H2 và Đ còn nhỏ chị Võ Thị L yêu cầu được nuôi 02 con. Xét thấy, con H2 và Đ còn nhỏ hiện đang ở với chị L, theo nguyện vọng của H2 được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn, nên việc chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ đó, nghĩ cần xem xét giao 02 con H2 và Đ cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Nay, chị L yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi mỗi con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng, tính cho 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng là phù hợp với mức chi phí trung bình tại địa phương. Nghĩ nên buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con H2 và Đ cho chị L là 3.000.000 đồng (mỗi con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng), cấp dưỡng từ tháng 5/2021 cho đến khi 02 con tròn 18 tuổi là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L là người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; anh T chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo luật định.

[4] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị L.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Võ Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 01/9/2016.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Võ Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Nguyễn Ngọc H2 và Nguyễn Ngọc Đ cho chị Võ Thị L là 3.000.000 đồng/tháng (mỗi con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng), cấp dưỡng từ tháng 5/2021 cho đến khi 02 con tròn 18 tuổi.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị Võ Thị L có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**4. Về án phí:** Chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị L đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003990, ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

**5. Về quyền kháng cáo:** Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/4/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Tín;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quý**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**







